

# ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

## QUYỂN 15

### Phẩm 8: BỐN Y (Phần 1)

Giải thích: Dùng bốn quả suy nghĩ về Bồ-tát.

Giải thích ba thừa mười Địa.

Xuất xứ kinh Cù-sư-la, giải thích việc ma biến thành Phật.

Việc ba mươi năm trước trong hơn tám mươi năm của chánh pháp

Giải thích về người của bốn Y tu nhân lâu xa.

Nói gần về tướng tin, không tin.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phẩm này đáp, làm thế nào được câu hỏi lớn? Rộng là trên y kinh lưu thông. Bốn tướng nói về đức ấy. Bốn tướng này phát ra chỗ ở của người kia.

Nhân nói về người lưu thông: Đức Như lai giải thoát, lý sự nhiệm mầu sâu xa, e rằng tướng lai về sau sẽ không có người nào mở mang truyền bá rộng rãi! Và đối với nhân quả thường trụ, sẽ không tin. Nếu không tin quả thì sẽ không gieo nhân, dù nói là vô ích.

Y theo nên trước giải thích về lưu thông. Đại khái chia làm tám đoạn:

1. Căn cứ ở địa Bồ-tát, phối hợp tướng của bốn vị.

2. Chỉ rõ phải là tướng của bốn Y.

Pháp sư Tăng Tông, Bảo Lượng nói: “Nói về phương pháp hàng phục ma.”

3. Thời gian và nơi chốn xuất phát lưu thông: Pháp sư Trí Tú nói: “Nói rộng về công đức hóa độ của bốn người hạng nương tựa.

4. Giải thích về thầy và đệ tử của bốn người tu nhân xa, gần.

5. Nói về việc không tin vào sự sai lầm của bốn Y, đức của người tin.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Kinh khuyên Tin.”

6. Nói rằng nên kính nể thầy.

7. Nêu lên lợi ích của bốn hạng người nương tựa, đó là y kinh tu



hành, dứt tám thứ bất tịnh, dù rằng bên trong phạm giới, nhưng không mất ruộng phước.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phân biệt với ruộng phước.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói rộng về tướng ruộng phước.”

8. Hội thông tông chỉ để nói về “Nhân”, khả năng biết pháp người, tức là pháp không trái với thuyết xưa.”

“Đức Phật lại bảo Bồ-tát Ca-diếp: Này người thiện nam!” cho đến “Làm lợi ích an vui và chỗ tựa cho trời, người, thế gian.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp chung của đời mạt, chẳng phải địa Thanh văn mà vì phối hợp với Bồ-tát, chỉ do pháp phục xuất gia của người Thanh văn, bởi thân họ trang nghiêm ngay ngắn, nên được phối hợp với Bồ-tát, nghĩa ở đây tự ngay thẳng. Dù rằng theo dòng tục, dấu vết tối tăm, nhưng vẫn trong trắng, không có ô nhiễm, chất lượng đồng với La-hán. Dưới đây là đoạn thứ nhất trong tám đoạn, phối hợp nhằm làm sáng tỏ tướng của bốn người:

Dựa vào kiến đế và tư duy cõi Dục mà Thanh văn dứt bỏ để phối hợp với công hạnh dứt trừ phiền não ba cõi của Bồ-tát, đầu cuối là hai người. Dựa vào Thanh văn vì tư duy ba cõi để phối hợp với đối tượng đoạn dứt của Bồ-tát, nghĩa là tập đầu cuối thành hai người, hợp thành bốn người.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người hộ trì chánh pháp, có nhiệm vụ không để cho tà xâm lấn, phá hoại. Kiến lập, là giúp cho chánh pháp không suy đồi. Nhớ nghĩ là ôn mà không quên.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trong đoạn thứ nhất này có ba chương. Chương thứ nhất này, nêu chung về số, khen ngợi đức.”

“Bốn người là: Người thứ nhất, bậc xuất thế, còn tánh phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong địa Thanh văn, bắt đầu từ nội phạm phu, sau cùng là A-la-hán. Trong giai vị Bồ-tát, bắt đầu là Trụ tiền, thời kỳ cuối cùng là Thập địa, lấy tương tự phần ít để phối hợp xét định với nhau. Đó là từ bốn ý chỉ, đến pháp Thế đệ nhất, định trụ ở ba mươi tâm trước, đều là đạo chiết phục, chưa được vô lậu chân thật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bắt đầu được giả gọi “Pháp không”, chế phục chấp nặng kiến đế.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là chương hai, nêu ra số lượng đặt ở địa vị. Theo kinh Đoạn Kiết chép: “Được chúng sinh “Không”, đến phẩm thứ bảy sẽ nói: “Tâm trở lên, tín đứng hàng đầu năm căn được lập, chưa nhập vô lậu chân thật, như các Thanh văn bắt đầu ở pháp Noãn, sau

cùng là pháp Thế đệ nhất.”

“Người Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm là bậc thứ hai.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thanh văn thì kiến đế là thô, tư duy là tế. Bồ-tát cho ba cõi là thô, “Tập khí” là tế. Nay, tâm sau cùng của sáu trụ, dứt hết kiết của ba cõi, như Tu-đà-hoàn, dứt hết “Hoặc” của kiến đế. Bảy trụ bắt đầu xâm lấn tập khí, như Tư-đà-hàm tư duy kiết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ Sơ địa đến Lục địa, nếu một mảy may “Hoặc” chưa hết về sau, thì sẽ như Tu-đà-hoàn dứt hết “Hoặc” của kiến đế. Tư-đà-hàm dứt hết sáu phẩm kiết của tư duy cõi Dục, chứng quả hạnh hưởng, chỉ cần một mảy may “Hoặc” của cõi Dục chưa hết, thì vẫn còn gọi là Tư-đà-hàm, vì chưa lìa cõi Dục.”

“Người thứ ba là bậc A-na-hàm.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hoặc” cõi Dục hết, xâm lấn tư duy của hai cõi trên, không còn thọ sinh ở cõi dưới: Nói Bát địa trở lên, dứt ngoài ba cõi hoặc thô, hoặc tế, không còn thọ sinh trong ba cõi nữa, trong khi Thất địa thì không như vậy.

Chấp nhận thân hữu lậu ở cõi Dục, trở thành Thất địa cuối cùng không được, vẫn tiến đến Bát địa, không theo đuổi hữu lậu nữa, về danh thì không sáng tỏ. Nói về thế của nghĩa này, lẽ ra thông qua Thập địa, để phối hợp với người thứ tư.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lục địa đầy đủ, về sau lại tiến tới đích cuối cùng của đối tượng dứt ư? Cửu địa đã dứt trần của sắc tâm, chướng thô đã hết, vì không còn thọ sinh trong ba cõi nữa, nên lấy để so sánh với người ở quả thứ ba.”

“Người thứ tư là bậc A-la-hán”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Kinh chép: “Bồ-tát Thập địa phải biết, như Đức Phật có voi đầu đàn, trông hình dáng giống như Đức Phật, cho nên trước kia, Bồ-tát Ca-diếp đã hỏi: “Thật ra không phải sánh ngang bằng với La-hán ư?” Về sự thì nên thí dụ. La-hán, Thanh văn, về địa vị đã gần với Phật, dùng công dụng của trí Thanh văn để nói về hình dáng vượt hơn, sánh ngang bằng với Phật, La-hán...”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “La-hán đã dứt hết kiết sử ba cõi, mà tập khí chưa dứt trừ, để so sánh với Bồ-tát Thập địa đã dứt hết chướng thô của sắc tâm, mà gốc tập khởi của sắc, tâm vẫn chưa dứt, để làm việc so sánh.”

Pháp sư Trí Tú nói: “La-hán là địa vị cùng cực của bốn quả. Thập địa là địa vị cùng cực của muôn hạnh, về nghĩa là đồng.”

“Bốn người này hiện ra đời” cho đến “Đem lại nguồn an vui cho

trời, người, chỗ nương tựa cho thế gian.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là chương ba, nói rộng về đức vị.”

“Thế nào là có tánh phiến não?” cho đến “Đó gọi là phàm phu, chẳng phải người thứ tám (Đức Phật).”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trên hợp lại thì thành bốn, chia ra thì thành tám. Đây là vì Thanh văn và Bồ-tát, đều có “Hương” ấy, tức là thành tám. Giống như tâm thứ mười sáu, kết thành Sơ quả. Tâm thứ mười lăm trở lại là gần hương, năm phương tiện là hương xa. La-hán lấy ba cõi diệt hết làm quả. Đạo vô ngại trở lên là “Hương”. Hương của quả trung gian vì ý chỉ suy nghĩ, cho nên thứ tám danh đồng, cao, thấp là khác. Vì e rằng con người hiểu lầm, nên lại phân biệt là danh tự của địa vị Trụ tiền. Thứ nhất từ “Chưa được giả gọi là “Pháp không”, gần với người bốn niệm xứ, gọi là Địa Càn Tuệ.

Thứ hai từ “Được bốn niệm xứ trở lên, cho đến pháp Thế đệ nhất, tin căn được lập, gọi là Tánh địa. Thứ ba, từ “Đặng tâm khổ nhẫn” trở lên, cho đến “Chưa được quả Tu-đà-hoàn trở xuống, gọi là Bát nhẫn địa, thứ tư, dứt hết “Hoặc” Kiến đế, được gọi là kiến địa. Thứ năm, được quả Tư-đà-hàm, gọi là Bạc địa. Thứ sáu, được quả A-na-hàm, gọi là địa Ly dục. Thứ bảy, là quả A-la-hán, gọi là địa Dĩ biện. Thứ tám, là Bích-chi-phật. Thứ chín, là địa Bồ-tát, thứ mười là Phật địa.

Trên đây, là số thứ nhất, đến Bát nhẫn địa là địa vị Thánh. Nay nói “Không phải là người thứ tám này” là địa phàm phu tánh, là y ban đầu. Sở dĩ cần làm pháp tính toán phân biệt này là vì Thập địa trong giáo Tiểu thừa xưa có hai thứ khác nhau là nhân, quả. Từ tánh cho đến địa Bát nhẫn đều là Tu-đà-hoàn hương. Nay, Thập địa Đại thừa khác ở chỗ không có nhân, quả, mà vì Tánh địa lúc làm người Y đầu tiên, e con người vẫn còn mang ý niệm xưa nói là Tu-đà-hoàn Hương không còn là người nương tựa ban đầu. Vì muốn chỉ địa định tánh, nên phân biệt ngoài địa Bát nhẫn.”

Hạng người thứ tám không gọi phàm phu, mà gọi Bồ-tát, không gọi là Phật.

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Tên gọi người thứ tám lại lạm quá Phật. Từ số dưới Đức Phật đến địa này là thứ tám. Từ số trên địa này đến Phật, cũng là thứ tám. Nay, dùng tên Bồ-tát để gọi, rõ ràng Đức Phật chẳng phải thứ tám.”

“Hạng người thứ hai, gọi Tu-đà-hoàn” cho đến “Gọi là Bồ-tát đã được thọ ký.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát có ba giai vị: Sơ địa được vô lậu là giai vị của tâm. Bát địa vô lậu là giai vị của thân. Địa thứ mười là giai vị Pháp vương. Nói về giai vị thứ hai này dựa vào hai vị chưa được Bát địa trở lên.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Chế Thập địa thành ba Trụ xứ. Ba Trụ xứ là sáu địa trở xuống, chưa ra khỏi một trú xứ của cõi uế trong ba cõi. Thất địa là trung gian giữa hai nước, chẳng phải tịnh, chẳng phải uế, làm một trú xứ. Bát địa trở lên, tướng, tâm đều dứt hết, gọi là nước tịnh, thành một trú xứ. Người thứ hai này vì chưa được trú xứ của Thất địa trở lên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sở dĩ phải phân biệt danh, là vì giai vị Thánh có ba, mà người này là thứ hai trong bốn, e rằng lạm quá giai vị thứ hai trong các giai vị Thánh, nên phải phân biệt. Người thứ ba, tức là thứ hai của Thánh, tức là thứ ba trong bốn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Y theo người Y thứ hai, hưởng về người Y thứ ba làm thứ hai, mà người thứ tư làm người thứ ba. Dù rằng chưa được giai vị này, nhưng đã được thọ ký, tiến đến Thánh vô lậu.”

Hạng người thứ ba gọi là bậc A-na-hàm” cho đến “Đó gọi là hạng người thứ ba.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Khách trần, nghĩa là lấy “Hoặc” ngoài của ba cõi làm cựu, “Hoặc” trong của ba cõi làm khách, dùng căn bản làm nghĩa, như ví dụ đèn tàn mà phẩm trước đã nói. Về sau, nói về nghĩa Bất Hoàn.”

“Hạng người thứ tư, gọi là bậc A-la-hán” cho đến “Gọi là bậc tôn quý trong loài người, làm chỗ quy y.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói: “Chỉ nêu lược ba đức, để giải thích La-hán. Dứt các phiền não, giải thích sát tặc. Được lợi ích mình, là giải thích ứng cúng. Việc làm đã xong, là giải thích vô sinh, như đã giải thích trong phẩm Tựa.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn” cho đến “Cũng không có ý niệm kính mến để con nương tựa.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Người chấp vô thường, thì sẽ sợ thuyết Thường. Như người đáng sợ là bốn Y xuất hiện biến hóa, cho nên thành ma.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thuyết thứ hai nói tướng của người phải nương tựa, thường nói nương tựa pháp, không nương tựa người. Nay, bỏ pháp, nương tựa người, thì đạo ma sẽ làm loạn “Chân”. Vì vậy, nên dưới đây, sẽ dẫn thành kinh để chứng minh rằng, ma đã gây rối hay

chưa? Nếu nương tựa pháp thì không cần nương tựa người.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sắp nói về đời ác, do bọn ma gây xáo trộn, nhằm phá hoại chánh pháp, nên phải nhờ bốn Y vận dụng các phương pháp để hàng phục chúng, trước là giả nói lời lẽ nương tựa.”

Y theo văn hàng ma thì có năm lượt:

1. Dẫn kinh Cù-sư-la để thưa hỏi.
2. Dùng ví dụ để nói Thanh văn phải nương tựa Bồ-tát.
3. Nói Bồ-tát nhờ oai lực của kinh, nên giải thích việc hàng ma.
4. Nói về ma ở trong tâm của người Nhị thừa không chút sợ hãi, chỉ với năng lực của người bốn Y mới hàng được chúng mà thôi.”

5. Nói người Thanh văn cảm thấy sợ hãi đối với ma bên ngoài. Đây là thứ nhất, dẫn kinh để thưa hỏi, chẳng rằng Cù-sư-la là người đã chứng quả Tu-đà-hoàn mà còn chưa khỏi bị ma phá hoại, huống chi người khác? Dưới đây sẽ dùng vật ngậm quý giá, được giữ gìn vững chắc để dụ cho Tu-đà-hoàn, sẽ không bị bọn ma gây rối loạn, vì một khi ở trong hình dáng, chẳng thể không mê hoặc mà thôi!”

“Phật dạy: “Này, Ca-diếp! Đối với lời Như lai đã nói” cho đến “Được như vậy, mới có hiệu quả yên vui lâu dài.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đây là nói thường có chân, nguy, chẳng thể không tin.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dựa vào kinh pháp để xét sự thật, sẽ nhận biết ngay điều thiện, ác do người nói.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Kế là, nói thế gian phải nương tựa bốn người này để thọ nhận phương pháp hàng phục ma. Bồ-tát Ca-diếp lần lượt nêu ra hai câu hỏi cho là ma có thể hiện hình tượng Phật giả và chân, nhờ đâu mà phân biệt được?”

Nay, trong lượt đáp này có hai ý, đây là ý thứ nhất. Vả lại, một khi đã thừa nhận, là đã làm cho chúng ta phân biệt được thiện, ác.”

“Này người thiện nam! Ví như con chó vụng trộm, ban đêm lén vào nhà người” cho đến “Như con chó ăn vụng sợ bỏ đi luôn, không quay lại nữa.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Ma dụ cho con chó. Thông thường, con chó định đi ăn vụng, nó phải ngóng xem phía ngoài nhà không có người canh giữ, bên trong thì tối đen, nhờ vậy, nó mới lén vào được. Ma cũng giống như vậy. Bên ngoài không có bạn lành tri thức, bên trong bị vô minh che lấp tâm, là cơ hội để cho ma làm loạn. Văn tuệ quá thấp kém, dụ cho tôi tớ để sai bảo trong việc gạn hỏi, nói, nhằm kiểm chứng giả ma, thật, bằng cách dùng năng lực của năm trí buộc, ma sẽ bỏ đi

ngay!”

Pháp sư Trí Tú nói: “Khuyên người tu hành hãy dùng lý để thường xem xét ma, chính là phương pháp xét ma.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Lời nói của bốn hạng người trên đây, chưa hẳn đáng tin.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đại ý câu hỏi này nói bốn Y không có lợi ích. Vì sao? Vì nếu nói rằng, có khả năng hàng phục ma, thì sẽ không cần bốn Y. Nếu không thể khuất phục ma thì thân hình, đáng dấp sẽ lẫn lộn nhau, làm sao tìm xét được?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là câu hỏi của lượt thứ hai.”

“Phật dạy Ca-diếp: “Này người thiện nam! Như Như lai đã nói, cũng giống như thế, chẳng phải, không như thế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ý Đáp rằng: Nếu là bậc Bồ-tát thì chẳng phải không đúng, Như lai vì các Thanh văn nên nói hàng phục ma, bởi người Thanh văn chưa học tập Đại thừa, nên phải nương Bồ-tát. Vì nương vào Bốn Y, nên được phương pháp hàng phục ma.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đáp có hai, đây là ý thứ nhất. Vả lại, hễ đã thừa nhận xác minh là có khả năng hàng phục ma, thì thật sẽ gần Niết-bàn.”

“Này người thiện nam! Như lai vì các Thanh văn, người có nhục nhãn” cho đến “Phật thừa này là trên hết và hơn tất cả.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lý thường ở ngoài sinh tử, mà Thiên nhãn vốn được bi kiến che lấp bên ngoài làm công dụng. Nếu là người không thể biết thì không bằng nhục nhãn vì nhục nhãn biết được.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu chắc chắn có khả năng hàng phục ma, thì không cần bốn Y. Như lai nói cho các Thanh văn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là đáp câu hỏi, có ba lượt, đây là thứ nhất, nói về người nên học phương pháp hàng phục ma chỉ là Thanh văn, chứ không phải đều là những người không can dự Phật pháp, nên phải có bốn Y.”

“Này người thiện nam! Ví như người lực sĩ mạnh khỏe với uy lực mạnh mẽ, khuyên bảo những người nhút nhát hãy theo mình.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người có bốn thế nguyện rộng lớn, dụ cho lực sĩ. Sợ sinh tử, dụ cho yếu hèn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây có hai thí dụ: Một là trước nói Đức Phật lúc còn ở đời, đã dạy cho các Thanh văn phương pháp hàng phục ma. Dũng: Phật có mười Lực, bốn vô úy. Nhút nhát khiếp sợ là



Thanh văn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lượt thứ hai trong lời đáp này, nêu bốn thí dụ, đây là ví dụ thứ nhất.”

“Người mạnh mẽ kia thường khuyên bảo kẻ nhút nhát” cho đến “Kẻ hèn nhát giả làm lực sĩ, mang cung tên, đao kiếm đến dọa nạt, hò hét.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ví dụ ba tu để ngăn dứt điều xấu ác.”

Pháp sư Tuệ Lãng nói: “Văn tuệ trong ba tuệ như cung, tư tuệ như tên, Tu tuệ như kiếm báu...”

“Đức Phật lại bảo: “khi chiến đấu, v.v...” cho đến “Phải tỏ ra dạn dĩ, mạnh mẽ đừng khiếp sợ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lặn lội qua chỗ hiểm nguy sinh tử, như dẫm lên gươm đao, phải ngắm xem trời, người. Kẻ cảm thấy yếu hèn, nghĩa là các hoặc sinh tử không có gốc rễ, dù cho sự yếu hèn kia. Xuất phát từ lý sinh ra hiểu biết. Có rễ khó nhúc nhích, nghiêng động, tự dụ cho dũng cảm, mạnh khỏe.”

“Đôi khi kẻ dối trá ấy thấy người không có vẻ sợ hãi” cho đến “Không lâu sẽ tự rút lui, không dám khuấy phá, như con chó ăn vụng kia.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ma, như chó ăn vụng, dù cho lừa dối làm dáng vẻ như Phật, trong đó không có phương pháp. Nếu thấy Thanh văn không có sợ hãi thì chúng không thể khuấy rối.”

“Này người thiện nam! Cũng như thế, Như lai đã bảo hàng Thanh văn” cho đến “Ma kia sẽ lo buồn mà bỏ đi.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Hợp thí dụ.”

“Này người thiện nam! Như dũng sĩ kia không bắt chước ai” cho đến “Dù có vô số loài ma muốn đến khuấy phá, cũng không hề sợ hãi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Người học Đại thừa có hai việc, không cần nương theo người: Một là do chứa đức sâu dày; hai là do oai lực kinh Đại thừa, tự mình có khả năng hàng phục ma, đây là bậc nhất, nói lên công hạnh của Bồ-tát, cho nên không sợ hãi.”

“Này người thiện nam! Ví như người được thuốc A-già-đà” cho đến “Cũng có khả năng hàng phục ma, không cho nó sanh khởi lại nữa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lượt thứ hai, dụ cho oai lực kinh.”

“Lại nữa, Này người thiện nam! Ví như loài rồng dữ cho đến nhìn bằng mắt, hoặc hà hơi độc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã nói: “Người học Đại thừa có khả năng làm cho việc ma không khởi, mà Đức Phật ở dưới cây đạo, không có việc ma. Lời nói này dường như giả dối. Cho nên dùng ví dụ này để nói lên Bồ-tát dùng oai lực hàng phục ma, thu nhiếp được Thanh văn, loại bỏ cả nỗi ngờ vực này. Rồng dụ cho ma.”

“Cho nên tất cả Sư tử, cọp, sói” cho đến “Hoặc chạm trúng thân nó, đều sẽ bị mất mạng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dụ cho Nhị thừa, người có thần chú thiện. Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: Dụ cho bốn y, vì nhờ năng lực của chú.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lăng nói: “Dụ cho năng lực kinh.”

“Có khả năng điều phục các loài rồng dữ” cho đến “Dùng làm con vật để cỡi.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chính là nói về Bốn Y. Nhờ oai lực kinh, nên chẳng những có khả năng hàng phục ma, mà còn thu nhiếp được người Nhị thừa.”

“Thanh văn, Duyên giác cũng giống như vậy” cho đến “Không sinh tâm sợ hãi, vẫn thực hành nghiệp ma.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lăng nói: “Hầu hết các thú đều sợ rồng, rồng không hề sợ loài thú nào cả.”

“Người học Đại thừa cũng giống như vậy” cho đến “Vì nói rộng các môn pháp mầu.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lăng nói: “Như thần chú kia, sở dĩ hàng phục được rồng dữ, là vì đã điều phục được các thú.”

“Các Thanh văn, Duyên giác đã điều phục được ma rồi” cho đến “Chớ làm chướng ngại chánh pháp Đại thừa.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lăng nói: “Như các thú kia vì thấy rồng đã bị hàng phục, nên cũng chịu điều phục.”

“Này người thiện nam! Các Thanh văn, Duyên giác” cho đến “Trăm, ngàn ức kiếp sau, sẽ không bị rơi vào đường ác.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là lượt đáp thứ ba, kết thúc chỉ thú trên. Nói lý do Thanh văn phải nương vào kinh Đại thừa, học Đại thừa, thật đáng tôn quý!”

“Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Kinh điển mầu nhiệm Đại Niết-bàn này.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là đoạn ba, nói về thời gian

và nơi chốn lưu thông. Sau Như lai Niết-bàn, tức là thời gian, sẽ có người chê bai, tức là nơi chốn.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Sẽ cứu vớt được sự chê bai chánh pháp ấy chăng?”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi có hai ý: Một là thời gian lâu sau khi Như lai nhập Niết-bàn, sẽ có người chê bai? là hỏi: “Những người nào có khả năng làm người cứu giúp muốn chỉ rõ bốn Y.”

“Phật dạy: “Này người thiện nam!” cho đến “Rồi sau đó sẽ ẩn vào trong đất.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lưu hành thì hiển, không lưu hành là ẩn, chứ chẳng phải đều mất.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp có năm trăm năm, Tượng pháp cũng năm trăm năm. Nay, nói bốn mươi năm, là y cứ sau khi Đức Phật mới nhập Niết-bàn trong chánh pháp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đức Phật ở đời nói pháp trong năm mươi năm. Nếu người đồng năm với Đức Phật đã qua, người ấy có thọ lãnh đạo ở giữa năm, thì dù Đức Phật nhập Niết-bàn, nhưng với số người cùng một điểm này có thể vì truyền bá, đứng ra sẽ được bốn mươi năm. Số chung này lại bỏ. Về sau này, giáo lý chánh pháp dẫn đến nhiều sai sót và suy đồi!”

“Này người thiện nam! Ví như có người có nấu gạo thơm, mía, đường” cho đến “Người nơi đó đều cho các thực phẩm ấy là ngon nhất!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ví dụ người thực hành kinh.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người này cố chấp truyền bá rộng rãi, cuối cùng họ sẽ không nhập vào.”

“Đó là những người phước mỏng, sẽ thọ nghiệp báo” cho đến “Như người phước đức kia chỉ thọ hưởng những thực phẩm quý: Cơm ngon, mía, đường, sữa, trọn đời không nghe nói cơm hẩm đầy bông cỏ.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói: “Nêu hai ví dụ để hợp với nơi có lưu hành, không lưu hành chánh pháp.”

“Này người thiện nam! Ví như có vị Vua ở trong núi sâu hiểm trở” cho đến “Vì sợ khan hiếm, nên không dám ăn, chỉ dùng toàn rau cỏ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bị phiền não trói buộc nhiều, tâm Đại thừa yếu ớt, dụ cho tai nạn nguy hiểm, vì từ bi đã ít, nên không thể truyền bá rộng chánh pháp, dụ cho tiết kiệm thực phẩm ngon, sợ hết, nên không ăn, chỉ nói Tiểu thừa, của tiền ngày càng ít, dụ cho chỉ ăn

rau cỏ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Núi sâu, tai nạn hiểm trở, dụ cho con đường lưu thông rộng rãi, chứ chẳng phải không có con đường, vì đường núi ghập ghềnh khó vào. Cũng như chẳng phải không có kinh điển Đại thừa, bí mật mà không truyền bá, dụ cho tham tiếc không ăn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hóa chủ Tiểu thừa, dụ cho vị vua kia ngu si, chướng nặng, dụ cho núi sâu hang thẳm. Dù có kinh điển Đại thừa, với ý vị sâu kín u huyền, không phải pháp mà mình hiểu nổi, dụ cho khó được. Lại sợ rằng phi lý, dụ cho nỗi sợ hãi sẽ hết.”

“Vua nước láng giềng nghe biết, vừa xót thương, vừa cười” cho đến “Nhà vua nhận được tặng phẩm với hương vị ít có này.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Viết chép rộng, kinh điển Đại thừa, truyền bá xứ kia, cùng một lúc từ giáo hóa, ví dụ dân chúng cả nước đều được ăn chung.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bồ-tát bốn Y đến chỗ chúng sinh được cảm hóa kia, dụ cho xót thương. Đích thân tự truyền bá chánh pháp một cách sâu rộng, dụ như xe chuyên chở.”

“Này người thiện nam! Bốn bực người Y chỉ trên đây cũng vậy” cho đến “Vì nhờ năng lực vua mà được thưởng thức các món ăn ngon lạ ít có.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hợp thí dụ, nói về hương, nghĩa là Tiểu thừa. Vua ở núi sâu, nghĩa là thọ lãnh sự giáo hóa của bốn bậc y chỉ, cũng sẽ thành Bồ-tát, vẫn còn nói rộng.

Xưa, vì Tiểu thừa không bằng lòng ở chung với những người thọ trì, chỉ vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Dưới đây, nêu ra năm trường hợp:

1. Vì lợi dưỡng.
2. Vì khen ngợi.
3. Vì hiểu pháp, tức là muốn hơn người.
4. Làm Y chỉ, phải là cần người quy y, nương tựa.

5. Vì mua bán. Ngoài kinh ra, còn phải mở rộng tất cả, rồi sau đó mới thí cho, đều là nhân duyên che lấp chánh pháp, chính mình không phải bốn Y chỉ, thì làm sao có khả năng giáo hóa mọi người?

“Lại, Này người thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này” cho đến “Vì nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa này.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hễ chỗ nào kinh này được truyền bá thì phải biết rằng đất ở nơi đó là đất quý như Kim cương, con người ở chỗ đó thật đáng tôn trọng. Nếu không như vậy, thì dùng pháp năm ấm, như đất, người là giả danh đối với pháp, nhờ pháp này mà thành người,

người và pháp đều là kim cương.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Vậy không biết bao giờ kinh này sẽ lại xuất hiện?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là đoạn thứ tư, nói về bốn y gieo trồng nhân xa, gần. Xa là thầy, gần là đệ tử, nhằm chỉ bày công đức cạn, sâu và khuyên người tu tập.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước lấy sự gian nan hiểm trở trong núi sâu làm dụ, đủ biết rằng ngày giờ, nơi chốn của việc truyền bá đều khó khăn, tự chẳng có cội đức sâu dày, thì đâu thể giảng nói giáo hóa?

Nay, giải thích về thầy bốn Y chỉ từ xa, gần của tu đức.”

Phật dạy: “Này người thiện nam! Nếu chánh pháp của Như lai” cho đến “Rười trận mưa pháp lớn xuống cõi Diêm-phù-đề.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chân lý của chánh pháp vô cùng trong sáng, đâu có hưng thịnh, đâu có ẩn mất, hễ được truyền bá thì hưng thịnh, không lưu hành thì suy vi mà thôi!”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước nêu bốn mươi năm là Chánh pháp. Bốn mươi năm đầu trong năm trăm năm, đã qua một lần truyền bá, nay nói chánh pháp sắp cuối cùng là hơn tám mươi năm. Bốn mươi năm chánh pháp này sắp hết, lại một phen hưng thịnh.

Nếu hai thời kỳ đã qua, pháp ác thêm lớn, thì chẳng phải là vì đạo không truyền thừa, chẳng phải nhân thì không gieo trồng, mà muốn cho chúng đương thời mếm đạo tu nhân.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bốn mươi năm sau khi Phật nhập Niết-bàn. Đến nay người bốn Y làm nhiệm vụ giáo hóa lẫn nhau. Gồm ba trăm tám mươi năm, tin nhận bốn Y, đều là bốn mươi năm trước, hợp thành bốn trăm hai mươi năm. Chánh pháp chỉ tồn tại trong hơn tám mươi năm, mà kinh pháp trong bốn mươi năm vẫn còn truyền bá. Sau bốn mươi năm, hơi gần với tượng pháp, mật pháp không còn truyền bá. Vì sao? Vì con người ở thời kỳ này đều được bốn Y giáo hóa, đều có khả năng thọ trì kinh này. Qua thời kỳ này về sau, bấy giờ diệt độ hết, không còn truyền bá, nên nói là chánh pháp sẽ ẩn vào trong đất.”

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ dưới đây là đoạn thứ tư, sẽ nói về nhân xa, gần của người bốn Y.”

“Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: “Lành thay! Lành thay!” cho đến “Thọ trì kinh điển này mà không chê bai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây, nói về người Y chỉ đầu,

có nhân của người còn tánh phiến não, kinh nói: “Bồ-tát Sơ địa cúng dường Chư Phật nhiều như cát bụi, đâu phải chỉ có số cát của tám sông Hằng, tức là đủ Thập địa, chỉ nói công đức của người Y đầu tiên như thế. Ba người còn lại, không cần nói đến. Địa tánh, địa giải có ba thứ tuệ: Văn, Tư, Tu. Các công đức hữu lậu này đều có ba phẩm.

Cát sông Hy Liên được văn tuệ phẩm hạ hạ. Sông Hằng thứ tám được Tu tuệ phẩm thượng thượng, đây là chín phẩm hữu lậu tuệ mãn, hơn đây được vô lậu, nhập Sơ địa. Người hộ trì chánh pháp ở vị lai cúng dường nhiều như số cát của tám sông Hằng, bắt đầu có khả năng giảng nói chánh pháp, e có người lui sụt. Dùng công đức này để khuyến khích hộ trì, cúng dường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong đây nêu ra nhân của hai nhà: Từ số cát của sông Hy-liên, cho đến số cát của hai sông Hằng, là nhân của người nghe. Từ số cát của ba sông Hằng đến tám sông Hằng là nhân của người nói.”

“Này người thiện nam! Nếu chúng sinh nào phát tâm Bồ-đề với Chư Phật bằng số cát của một sông Hằng” cho đến “Không thể phân biệt nói rộng cho người nghe.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “văn tuệ là Phẩm trung, cúng dường nhiều bằng số cát của sông Hy-liên, được văn tuệ phẩm hạ, chỉ cần không chê bai, nay nói rằng yêu thích là sách.”

“Này người thiện nam! Nếu có chúng sinh nào đối với Chư Phật bằng số cát của hai sông Hằng mà phát tâm Bồ-đề” cho đến “cũng không thể giảng nói rộng cho người nghe.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Văn, Tư phẩm thượng tròn đầy, thêm vào đó, sự hiểu biết đúng đắn, tin ưa, thọ trì, đọc tụng kinh này, vẫn chưa có khả năng nói rộng cho người nghe.”

“Nếu có chúng sinh nào đối với số cát của ba sông Hằng” cho đến “Dù giảng nói cho người nghe, nhưng vẫn chưa hiểu được nghĩa sâu xa.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là người thuộc tư tuệ phẩm hạ. Người này giả gọi “Là pháp không”, vì sắp lập mà chưa lập, nên thuộc về số đệ tử.

Nói “Chưa hiểu được nghĩa sâu kín, nghĩa là chưa nhận thức được căn cơ của người, vì ba người Văn tuệ ở trước đều là người niệm xứ.”

“Nếu có chúng sinh nào đối với Chư Phật, phát tâm Bồ-đề nhiều như số cát của bốn sông Hằng” cho đến “Dù rằng giảng nói, nhưng cũng không đầy đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nay, người y chỉ ban đầu có mười sáu phần hiểu biết, đây là phần nói rộng mà thôi, vì ý văn giống như giải thích về đăng ký ở trụ. Vì sao? Vì truyền bá trong đời ác, đối với người là khó khăn, mà phàm phu có “hoặc”, thì có thể truyền bá, giáo hóa, quả là việc đáng lấy làm lạ. Nếu là người đã đăng ký nơi trụ thì sẽ không đáng đặt ra câu hỏi, cũng không cần hỏi. Vả lại, người bị buộc ràng, muốn truyền bá rộng, thì không cần đời ác. Nay, nói đức giảng thuyết rộng, đời ác đầy đầy, cho đến người thứ nhất đến thứ tám, về sau còn bốn, thêm bớt như thế là cũng có ý. Nói về tạo nên thứ lớp để tìm tòi lý, công phu ấy thật gian nan, nên được một phần và người y chỉ kia tìm hiểu được lý rồi, thì trước, lưỡng thững cưỡi dễ dàng, nên tiến lên tám phần. Đã nhập vào chỗ sâu kín, vì thân công khó nên phải hao hụt đến bốn. Sự hao hụt hai của bốn. Nghĩa ấy cũng vậy. Sau cùng lẽ ra còn một mà lại hai người. Kết hợp với năng lực của nhân trước, vì sắp mãn để mong khích lệ, nên lại đến hai người.”

Văn kinh không có chỗ nào chính thức chỉ bày, vì thế, nên thầy nói là thỉnh thoảng khác nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Y theo phẩm thượng của người y đầu tiên, suốt bốn mươi tâm, ôm ấp sự hiểu biết, chia thành mười sáu phần, sở dĩ khác nhau không đồng đều vì phàm phu đã quen với “Hoặc”, dụng có thô tế. Đã ở khoảng giữa gặp phải bạn bè xấu ác, khởi lên một đoạn “Hoặc” nặng nề, với dụng tâm không đồng đều, thì kiến giải đâu có chứa đựng sự bình đẳng? Vì chấp tướng khó dứt bỏ, nên người y chỉ đầu tiên chỉ hiểu một phần. Với thói quen giả dối không thôi. Nhờ vào sự hiểu biết trước kia để làm vốn liếng, của cải, cho nên tỏ ngộ ngay bảy phần, nhưng vì tướng nhỏ nhiệm khó đối trị, nên thắng giải không dễ gì phát sinh. Đây là giao tiếp với cố chấp khó bỏ, thoáng chốc tồn tại thì dễ quên, nên thắng giải khó được.”

“Nếu có chúng sinh nào đối với số cát của năm sông Hằng” cho đến “Nghĩa của tám phần trong mười sáu phần.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Sở dĩ người y chỉ đầu tiên, cho đến người thứ tám, phân tích về hiểu biết bên ngoài của họ lẽ ra là có vô lượng, chỉ vì không nằm trong giới hạn đáng nương tựa, nên không chép. Nay, nêu người y chỉ kia đáng được gọi là người bất thoái, nghĩa là nói một phần.”

“Nếu có chúng sinh nào đối với Phật, nhiều bằng số cát của bảy sông Hằng” mà phát tâm Bồ-đề cho đến “Nghĩa mười hai phần trong mười sáu phần.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Về lý, đã sâu sắc dần, mà hiểu biết tinh tường thì thật khó được, cho nên trước nhiều mà sau ít.”

“Nếu có chúng sinh nào ở trước Đức Phật, nhiều như số cát của bảy sông Hằng” mà phát tâm Bồ-đề cho đến “Nghĩa mười bốn phần trong mười sáu phần.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Ao sai biệt chứa dần, về nghĩa đồng với trên.”

“Nếu có chúng sinh nào ở trước Đức Phật, nhiều như số cát của tám sông Hằng” mà phát tâm Bồ-đề cho đến “Tất nhiên có khả năng che chở, giữ gìn chánh pháp vô thượng.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Tập hiểu biết vừa mới chứa nhóm, đối với công đức của một phần đã bắt đầu được đầy đủ, trở thành người y chỉ đầu tiên.”

“Này người thiện nam! Có hạng Tỳ-kheo xấu ác, nghe Như lai vào Niết-bàn” cho đến “Chê bai chống đối kinh Đại thừa này.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đoạn thứ năm giải thích tướng tin, không tin, nói về tin bốn y thì được, không tin là mất. Ở đây, trước hết nói về tướng mạo của người không tin.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ý khuyến tin, vì nhờ được nghe kinh, nên năng lực của người đó không cạn kiệt, lẽ nào không sinh tin sâu ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây có bảy lớp:

1. Nói về sau Đức Phật nhập Niết-bàn, có lỗi của người không tin.

2. Nói người tin, thì sẽ diệt ác.

3. Nói rộng về tai hại của việc chê bai chánh pháp.

4. Nêu ra hiện báo của người kính, tin kinh này.

5. Nói về tội lỗi của người chê bai chánh pháp.

Đối với kinh Niết-bàn này mà sám hối, thì lỗi lầm của họ chắc chắn được tiêu diệt, cũng sẽ trở thành người tin pháp thứ hai trước kia.

6. Dụ cho người mới xuất gia, lấy tin pháp, tin người làm dụ.

7. Nói về người vốn không có ý tốt, mà học Đại thừa, hoặc có người vì thấy người khác được lợi dưỡng, nên mới đọc. Hoặc có người vì ham tiếng khen, nên xem. Dù vậy, nhưng chúng sinh với tinh thần sáng suốt về sau, tự giác biết nghĩa sâu xa của oai lực kinh, đây chính là lớp thứ nhất.”

“Này người thiện nam! Nay ông phải ghi nhớ như vậy” cho đến “Nghiệp ác đã gây ra, đều được tiêu trừ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói rõ tướng của người có đức



tin.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn hai, là nói về người tin kinh, chắc chắn sẽ tiêu diệt mọi điều xấu ác.”

“Nếu người nào không tin kinh điển này” cho đến “Không bao giờ được đến cõi lành trời, người.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ ba nói về hiện báo của người không tin.”

“Nếu lại có người tin được như thế” cho đến “Người này có nói ra điều chi, ai nghe đều kính tin.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ tư, nói về hiện báo của người có lòng tin.”

“Trong các đệ tử Thanh văn của Như lai” cho đến “Nên giảng rộng kinh điển ấy.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trên nói công đức của người kính tin, là các Thanh văn vì ưa làm việc lành riêng, nên Đức Phật khuyến riêng.”

“Này người thiện nam! Như sương mù kia chỉ có thể tồn tại đến khi mặt trời mọc, sương mù lập tức sẽ tan biến. Bao nhiêu nghiệp ác của chúng sinh, thế lực sẽ phải tiêu diệt khi thấy mặt trời Đại thừa Đại Niết-bàn này.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Việc lành có hai quả báo:

1. Tiêu diệt điều ác.
2. Thành tựu việc lành.”

Kế là nói về thành tựu việc lành.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ năm, vì người hướng, là người chê bai kinh Đại thừa, dùng làm thí dụ, để nói về tội chê bai chánh pháp. Nếu người nào đối với kinh Đại Niết-bàn mà sấm hối, thì lỗi lầm của họ chắc chắn sẽ tiêu diệt, cũng sẽ trở thành người có lòng tin thứ hai trước kia, vì dứt trừ điều ác.”

“Này người thiện nam! Như có người” cho đến “Tức là đã được dự vào trong số các Bồ-tát Thập Trụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về sinh điều lành, sở dĩ nói dự vào số Thập trụ, vì Thập trụ cũng không lui sụt, người này cũng không lui sụt.”

Ở dưới nói “Nếu tai được nghe nói tên một bộ kinh, thì đời đời sẽ không mất chánh kiến.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn sáu, là người hướng được làm thí dụ, vì được xếp vào số Thập địa.”



---

“Có chúng sinh nào là đệ tử Phật” cho đến “Bốn hạng người ấy, là chỗ nương tựa của thế gian.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trước, vì người phát tâm tin sâu, ví dụ đoạn bầy hiện nay. Đây là nói về người phát ra không có ý tốt, mà người học Đại thừa, hoặc thấy người khác được lợi dưỡng, hoặc vì tham tiếng tăm, nên đọc kinh điển. Dù vậy, chúng sinh không phải là gỗ, đá. Về sau, cũng sẽ tự giác ngộ, biết được oai lực của kinh, mà được gần gũi đạo.”

Kính Di ghi lời Tăng Tông rằng: “Trước kia, đã nói nhân xa, vì e rằng, tâm người tự dứt, nên lại dẫn chứng, bất luận chân ngụy, chỉ có thể tâm, thì tự sẽ có lợi ích sâu rộng.”

